

Số: 27/2023/CV-GMA

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP G-Automobile thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: GMA
- Địa chỉ: Số 11 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại liên hệ: (024) 37 956 373
- Email: gma@g-automobile.vn
- Website: <http://www.g-automobile.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 29/8/2023 tại đường dẫn: <http://www.g-automobile.vn>



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên đã được soát xét năm 2023 của Công ty mẹ và Hợp nhất
- Văn bản giải trình số 26/2023/CV-GMA

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Thanh Thủy



Báo cáo Tài chính riêng giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN G-AUTOMOBILE

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
(Đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo Tài chính riêng đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10-24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần G-Automobile (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần G-Automobile (GMA) tiền thân là Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam, được thành lập ngày 10/10/2011. Công ty hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105558271 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 2011 và giấy đăng ký thay đổi lần 9 ngày 11 tháng 10 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 11 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Tổng Thị Thu Huyền	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên Hội đồng Quản trị/ Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Như Thủy	Thành viên Hội đồng Quản trị

Các thành viên của Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Lê Thị Hương Giang	Trưởng ban
Bà Ninh Thị Liễu	Thành viên
Bà Đặng Thu Trang	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ▶ Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- ▶ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- ▶ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- ▶ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- ▶ Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Công ty cổ phần G-Automobile

Số 11 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Thủy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

Số: 290823.019/BCTC.FIS2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần G-Automobile

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần G-Automobile được lập ngày 29 tháng 08 năm 2023, từ trang 06 đến trang 24 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần G-Automobile tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022 và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần G-Automobile đã được soát xét và kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính riêng này tại ngày 02 tháng 08 năm 2022 và tại ngày 25 tháng 03 năm 2023.

**Công ty TNHH
Hàng kiểm toán AASC**



Đỗ Mạnh Cường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0744-2023-002-1

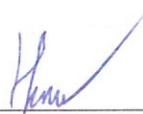
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2023	01/01/2023
			VND	(Trình bày lại) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		16.940.451.508	16.993.298.226
110	I. Tiền và tương đương tiền		301.158.082	156.903.998
111	Tiền	3	301.158.082	156.903.998
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		15.811.105.022	16.059.393.017
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.045.663.935	3.135.319.563
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	84.000.000	112.200.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	14.681.441.087	12.811.873.454
140	III. Hàng tồn kho		768.188.404	768.188.404
141	Hàng tồn kho	8	768.188.404	768.188.404
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		60.000.000	8.812.807
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		60.000.000	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	8.812.807
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		280.461.794.090	280.467.503.840
221	I. Tài sản cố định hữu hình	9	-	-
222	- Nguyên giá		227.751.865	227.751.865
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(227.751.865)	(227.751.865)
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn	4	280.457.035.965	280.457.035.965
251	1. Đầu tư vào công ty con		217.993.115.965	217.993.115.965
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		12.350.000.000	12.350.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		50.113.920.000	50.113.920.000
260	III. Tài sản dài hạn khác		4.758.125	10.467.875
261	Chi phí trả trước dài hạn		4.758.125	10.467.875
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		297.402.245.598	297.460.802.066

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	01/01/2023	
			(Trình bày lại)	
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		9.850.570.505	10.245.107.069
310	I. Nợ ngắn hạn		9.780.870.505	10.182.107.069
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		5.500.000	-
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	151.839.930	536.253.979
314	3. Phải trả người lao động		155.553.425	634.670.512
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	10	4.005.660.723	3.730.872.971
319	5. Phải trả ngắn hạn khác		16.316.427	4.309.607
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	5.446.000.000	5.276.000.000
330	II. Nợ dài hạn		69.700.000	63.000.000
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	12	69.700.000	63.000.000
400	D. NGUỒN VỐN		287.551.675.093	287.215.694.997
410	Vốn chủ sở hữu	13	287.551.675.093	287.215.694.997
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		199.999.990.000	199.999.990.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		199.999.990.000	199.999.990.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		76.628.400.000	76.628.400.000
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.923.285.093	10.587.304.997
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		10.587.304.997	6.267.606.679
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		335.980.096	4.319.698.318
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		297.402.245.598	297.460.802.066


Nguyễn Thị Hương
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thanh Thủy
Tổng Giám đốc





Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	1.867.437.500	34.939.926.364
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.867.437.500	34.939.926.364
11	3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	16	-	31.024.413.065
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.867.437.500	3.915.513.299
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính		106.452	2.885.714.220
22	6. Chi phí tài chính		274.787.752	1.471.812.277
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		274.787.752	1.471.812.277
25	8. Chi phí bán hàng		-	5.709.750
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	1.172.750.361	1.186.395.982
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		420.005.839	4.137.309.510
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		30.720	53.036.438
40	13. Lợi nhuận khác		(30.720)	(53.036.438)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		419.975.119	4.084.273.072
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18	83.995.023	333.390.221
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		335.980.096	3.750.882.851


Nguyễn Thị Hương
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thanh Thủy
Tổng Giám đốc

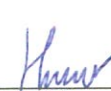


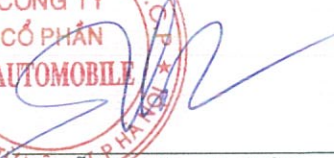
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		419.975.119	4.084.273.072
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
03	Các khoản dự phòng		-	(60.599.300)
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(106.452)	(2.885.714.220)
06	Chi phí lãi vay		274.787.752	1.471.812.277
08	3. Lãi từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		694.656.419	2.609.771.829
09	(Tăng)/Giảm các khoản phải thu		257.100.802	(9.016.797.951)
10	(Tăng)/Giảm hàng tồn kho		-	1.007.434.039
11	Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(156.982.446)	6.000.886.590
12	Tăng/(Giảm) chi phí trả trước		(54.290.250)	130.207.932
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(477.620.226)	(1.055.492.543)
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(295.416.667)	(184.467.191)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(32.552.368)	(508.457.295)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
24	1. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	39.000.000
25	2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(12.350.000.000)
26	3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	8.958.140.159
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		106.452	2.410.113.021
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		106.452	(942.746.820)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		522.700.000	3.366.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(346.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		176.700.000	3.366.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		144.254.084	1.914.795.885
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		156.903.998	117.378.107
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	301.158.082	2.032.173.992


Nguyễn Thị Hương
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thanh Thủy
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần G-Automobile (GMA) tiền thân là Công ty Cổ phần Enteco Việt Nam, được thành lập ngày 10/10/2011. Công ty hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105558271 đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 10 năm 2011 và giấy đăng ký thay đổi lần 9 ngày 11 tháng 10 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 11 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 199.999.990.000 VND, tương ứng với 19.999.999 cổ phần phổ thông, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 15 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 16 người).

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2023/NQ/ĐHĐCĐ-GMA ngày 18/04/2023, Công ty thực hiện chuyển đổi và tái cấu trúc cho mục đích tìm kiếm và đầu tư, góp vốn vào các công ty cùng ngành, lĩnh vực sản xuất kinh doanh dịch vụ ô tô; đẩy nhanh đầu tư vào các dự án trong hệ sinh thái xe. Do đó, trong kỳ công ty chỉ phát sinh doanh thu từ dịch vụ tư vấn quản lý.

Cấu trúc Công ty

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết xem tại Thuyết minh số 04.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán và đơn vị tiền tệ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các Công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.6 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định bằng phương pháp bình quân gia quyền.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian khấu hao ước tính như sau :

- | | |
|----------------------------|--------|
| ▶ Nhà cửa và vật kiến trúc | 03 năm |
|----------------------------|--------|

2.9 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 1 đến 3 năm.

2.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.12 Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

2.14 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2.16 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có liên quan.

2.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí

vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.18 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

2.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- ▶ Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- ▶ Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- ▶ Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 Thông tin bộ phận

Do trong kỳ, Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và toàn bộ các giao dịch kinh doanh chỉ thực hiện tại Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. Tiền

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền mặt	96.427.967	93.432.967
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	204.730.115	63.471.031
	<u>301.158.082</u>	<u>156.903.998</u>

4. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
Đầu tư vào công ty con	217.993.115.965	217.993.115.965
Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du	190.993.115.965	190.993.115.965
Công ty TNHH Cho thuê ô tô An Hòa Phát	27.000.000.000	27.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	12.350.000.000	12.350.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội	12.350.000.000	12.350.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác	50.113.920.000	50.113.920.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản	47.113.920.000	47.113.920.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và dịch vụ TMC	3.000.000.000	3.000.000.000
	280.457.035.965	280.457.035.965

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư trong kỳ:

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty con				
Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu thanh toán An Du	55%	55%	Số 11 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Cho Thuê ô tô An Hòa Phát	90%	90%	Số 11 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cho thuê ô tô
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội	30,875%	30,875%	Số 1 đường Nguyễn Văn Linh, Phường Gia Thụy, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh ô tô
Đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng sản	4,99%	4,99%	Số 28, phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Xuất nhập khẩu khoáng sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và dịch vụ TMC	15%	15%	Khu đô thị sinh thái Sông Hồng - Nam Đàm Vạc, Phường Khai Quang, Thành phố Vinh Yên, Tỉnh Vinh Phúc, Việt Nam	Kinh doanh bất động sản, đại lý xe ô tô và xe có động cơ khác

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Bên liên quan	52.593.750	236.002.499
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại An Dân Hà Nội	52.593.750	236.002.499
Bên khác	993.070.185	2.899.317.064
Công ty CP Đầu tư xây dựng An Phát	135.000.000	135.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Thương mại Thái Minh	-	329.007.301
Công ty TNHH VIT-METAL	-	341.080.000
Công ty CP Thiết bị Lâm Tuấn Nghĩa	153.625.500	153.625.500
Công ty CP Công nghệ Đầu tư và Xây dựng Thương mại Thăng Long	92.730.000	92.730.000
Công ty CP Xây dựng Nền móng Dân dụng và Công nghiệp Minh Đức	-	1.236.159.578
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thiết bị Công nghiệp Việt	311.739.571	311.739.571
Các đối tượng khác	299.975.114	299.975.114
	1.045.663.935	3.135.319.563

6. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam	-	10.000.000
Công ty TNHH BNT Việt Nam	-	7.700.000
Công ty TNHH Vinasite Việt Nam	-	5.500.000
Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam	44.000.000	44.000.000
Công ty CP Thẩm định giá và Tư vấn Đầu tư Đất Việt	-	5.000.000
Công ty CP Chứng khoán APG	40.000.000	40.000.000
	84.000.000	112.200.000

7. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	44.000.000	44.000.000
Tạm ứng	14.487.441.087	12.752.642.359
Phải thu khác	150.000.000	15.231.095
	14.681.441.087	12.811.873.454

8. Hàng tồn kho

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	752.190.904	752.190.904
Hàng hóa	15.997.500	15.997.500
	<u>768.188.404</u>	<u>768.188.404</u>

Là các thiết bị định vị GPS dùng cho ô tô đang trong quá trình nghiên cứu phát triển để phục vụ mục đích kinh doanh.

9. Tài sản cố định hữu hình

Là nhà cửa, vật kiến trúc có nguyên giá và hao mòn lũy kế tại ngày 30/06/2023 là 227.751.865 VND.

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 227.751.865 VND.

10. Chi phí phải trả

	<u>30/06/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Lãi vay phải trả	3.965.660.723	3.690.872.971
Khác	40.000.000	40.000.000
	<u>4.005.660.723</u>	<u>3.730.872.971</u>

Công ty cổ phần G-Automobile

Số 11 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2023		Trong kỳ		30/06/2023	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	10.789.560	191.212.500	174.733.809	-	27.268.251
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	477.620.226	83.995.023	477.620.226	-	83.995.023
Thuế thu nhập cá nhân	-	47.844.193	86.311.532	93.579.069	-	40.576.656
Các loại thuế khác	8.812.807	-	11.812.807	3.000.000	-	-
	8.812.807	536.253.979	373.331.862	748.933.104	-	151.839.930

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Công ty cổ phần G-Automobile

Số 11 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

12. Các khoản vay

	01/01/2023 (Đã điều chỉnh)		Kỳ kế toán từ 01/01/2023 đến 30/06/2023		30/06/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn:						
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng Sản	3.726.000.000	3.726.000.000	516.000.000	346.000.000	3.896.000.000	3.896.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Sen Trắng	1.950.000.000	1.950.000.000	-	-	1.950.000.000	1.950.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Sen Trắng	1.776.000.000	1.776.000.000	170.000.000	-	1.946.000.000	1.946.000.000
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại An Đô	-	-	346.000.000	346.000.000	-	-
Dài hạn đến hạn trả:						
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng Sản	1.550.000.000	1.550.000.000	-	-	1.550.000.000	1.550.000.000
	1.550.000.000	1.550.000.000	-	-	1.550.000.000	1.550.000.000
	5.276.000.000	5.276.000.000	516.000.000	346.000.000	5.446.000.000	5.446.000.000
b) Vay dài hạn						
Nguyễn Thị Tố Quyên	63.000.000	63.000.000	6.700.000	-	69.700.000	69.700.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng Sản	1.550.000.000	1.550.000.000	-	-	1.550.000.000	1.550.000.000
	1.613.000.000	1.613.000.000	6.700.000	-	1.619.700.000	1.619.700.000
Khoản đến hạn trả:						
- Trong 12 tháng	(1.550.000.000)	(1.550.000.000)	-	-	(1.550.000.000)	(1.550.000.000)
- Sau 12 tháng	63.000.000	63.000.000	-	-	69.700.000	69.700.000

Công ty cổ phần G-Automobile

Số 11 đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay: Các khoản vay của Công ty là các khoản vay tín chấp bằng VND với mục đích vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, chi tiết như sau:

Hợp đồng vay	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	VND	
				30/06/2023	01/01/2023
a) Ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng Sản				1.950.000.000	1.950.000.000
Số 2001/2022/HĐVV/MINEX-ENTECO ngày 20/01/2022	10%	12 tháng	20/01/2024	1.500.000.000	1.500.000.000
Số 1001/2022/HĐVV/MINEX-ENTECO ngày 10/01/2022	10%	12 tháng	10/01/2024	450.000.000	450.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Sen Trắng				1.946.000.000	1.776.000.000
Số 2803/2022/HĐVV/SENTRANG-ENTECO ngày 28/03/2022	11,82%	12 tháng	28/03/2024	1.050.000.000	1.050.000.000
Số 0605/2022/HĐVV/SENTRANG-ENTECO ngày 06/05/2022	6,50%	12 tháng	06/05/2024	366.000.000	366.000.000
Số 2007/2022/HĐVV/SENTRANG-ENTECO ngày 20/07/2022	10%	12 tháng	20/07/2023	360.000.000	360.000.000
Số 1806/2023/HĐVT/ST-GMA ngày 18/06/2023	7%	12 tháng	18/06/2024	170.000.000	-
				3.896.000.000	3.726.000.000
b) Vay dài hạn đến hạn trả					
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng Sản				1.550.000.000	1.550.000.000
Số 1003/2021/HĐVV/MINEX-ENTECO ngày 10/03/2021	11,82%	33 tháng	10/12/2023	1.400.000.000	1.400.000.000
Số 1009/2021/MINEX-ENTECO ngày 10/09/2021	6,50%	24 tháng	10/09/2023	150.000.000	150.000.000
				1.550.000.000	1.550.000.000
c) Dài hạn					
Bà Nguyễn Thị Tố Quyên				69.700.000	63.000.000
Số 0311/2022/HĐCV ngày 03/11/2022:				69.700.000	63.000.000
- Khế ước nhận nợ lần 1 ngày 04/11/2022	0%	24 tháng	04/11/2024	63.000.000	63.000.000
- Khế ước nhận nợ lần 2 ngày 04/01/2023	0%	24 tháng	04/01/2025	6.700.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Khoáng Sản				1.550.000.000	1.550.000.000
Số 1003/2021/HĐVV/MINEX-ENTECO ngày 10/03/2021	11,82%	33 tháng	10/12/2023	1.400.000.000	1.400.000.000
Số 1009/2021/MINEX-ENTECO ngày 10/09/2021	6,50%	24 tháng	10/09/2023	150.000.000	150.000.000
				1.619.700.000	1.613.000.000

13. Vốn chủ sở hữu

a) Biến động Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2022	60.000.000.000	-	18.452.063.870	78.452.063.870
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	3.750.882.851	3.750.882.851
Tăng vốn	11.999.990.000	-	-	11.999.990.000
Chia cổ tức	-	-	(11.999.990.000)	(11.999.990.000)
Giảm khác	-	-	(184.467.191)	(184.467.191)
Tại ngày 30/06/2022	71.999.990.000	-	10.018.489.530	82.018.479.530
Tại ngày 01/01/2023	199.999.990.000	76.628.400.000	10.587.304.997	287.215.694.997
Lợi nhuận kỳ này	-	-	335.980.096	335.980.096
Tại ngày 30/06/2023	199.999.990.000	76.628.400.000	10.923.285.093	287.551.675.093

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2023		01/01/2023	
	VND	%	VND	%
Phùng Văn Hùng	19.800.000.000	9,90	19.800.000.000	9,90
Công ty TNHH Đầu tư G-Holding	13.680.000.000	6,84	13.680.000.000	6,84
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gami	12.960.000.000	6,48	12.960.000.000	6,48
Cổ đông khác	153.559.990.000	76,78	153.559.990.000	76,78
	199.999.990.000	100	199.999.990.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	199.999.990.000	60.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	11.999.990.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	199.999.990.000	71.999.990.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	-	11.999.990.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	-	11.999.990.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	-	(11.999.990.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	-	(11.999.990.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	-	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.999.999	19.999.999
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.999.999	19.999.999
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

14. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán và cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê tài sản theo hợp đồng cho thuê văn phòng số 010822/GML-ETC ngày 01/08/2022 với Công ty Cổ phần Gami Bất động sản, diện tích thuê 40m², thời hạn thuê 17 tháng. Vào ngày 30/06/2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2023	01/01/2023
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	-	132.000.000
	-	132.000.000

15. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Bán hàng hóa	-	32.471.167.105
Cung cấp dịch vụ	1.867.437.500	2.468.759.259
	1.867.437.500	34.939.926.364

16. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Bán hàng hóa	-	30.311.883.065
Cung cấp dịch vụ	-	712.530.000
	-	31.024.413.065

17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nhân công (*)	979.968.229	1.014.626.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.709.750	124.498.182
Chi phí bằng tiền khác	167.072.382	47.271.788
	1.172.750.361	1.186.395.982

(*) Bao gồm chi phí nhân công cung cấp dịch vụ tại thuyết minh 15.

18. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	419.975.119	4.084.273.072
Các khoản điều chỉnh tăng		53.036.438
- Chi phí không hợp lệ	-	53.036.438
Các khoản điều chỉnh giảm		(2.470.358.407)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(2.409.759.107)
- Chi phí hoàn nhập dự phòng (chi phí trích lập dự phòng đã được loại trừ trên biên bản kiểm tra thuế năm 2019 ngày 03/09/2020)	-	(60.599.300)
Thu nhập chịu thuế TNDN	419.975.119	1.666.951.103
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	83.995.023	333.390.221
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	477.620.226	888.694.646
Truy thu theo Biên bản thanh tra thuế	-	166.797.897
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(477.620.226)	(1.055.492.543)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	83.995.023	333.390.221

19. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	979.968.229	1.014.626.012
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.709.750	842.737.932
Chi phí khác bằng tiền	167.072.382	47.271.788
	1.172.750.361	1.904.635.732

20. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

21. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.


Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định trình bày lại một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Theo đó số liệu so sánh của Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2023 được điều chỉnh cụ thể như sau:


	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ					
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.339.000.000	5.276.000.000	63.000.000	(1)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	-	63.000.000	(63.000.000)	(1)


(1) Phân loại lại khoản vay từ ngắn hạn thành dài hạn.

22. Phê duyệt Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và chấp thuận phát hành vào ngày 29 tháng 08 năm 2023.


Nguyễn Thị Hương
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hương
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Thanh Thủy
Tổng Giám đốc



Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023